

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2025/HS-ST
Ngày 16-06-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn – Giáo viên nghỉ hưu.

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Giáo viên nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Định và ông Đặng Đức H - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/6/2025 và 16/6/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2025/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-HS ngày 16/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/HSST-QĐ ngày 30/5/2025; Thông báo tạm ngừng phiên tòa số 01/TB-TA ngày 13/06/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Công M**, sinh ngày 27/10/2007 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình H1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 20/10/2024 đến ngày 29/10/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đào Huy T**, sinh ngày 27/9/2008 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: học sinh;

trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân Đ, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1987; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo đầu thú, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt

3. Họ và tên: **Cao Xuân H2**, sinh ngày 06/8/2006 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ G, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân Đ1, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Trần Thị M1, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/10/2024 đến ngày 29/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025.

4. Họ và tên: **Nguyễn Quang M2**, sinh ngày 28/01/2007 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1977 và bà Vũ Thị Bích N, sinh năm 1979; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/10/2024 đến ngày 29/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Đức A**, sinh ngày 18/8/2006 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1979; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt

6. Họ và tên: **Vũ Hoàng Gia K**, sinh ngày 08/5/2007 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Số nhà B, ngõ C, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn P, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư

trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt

7. Họ và tên: **Lương Gia T1**, sinh ngày 02/4/2006 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: thôn P, xã S (nay là tổ dân phố P, phường S), thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Xuân T2, sinh năm 1983 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1987; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/12/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B. Có mặt

8. Họ và tên: **Đỗ Anh Đ3**, sinh ngày 29/11/2006 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ dân phố P, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Cao B, sinh năm 1985 và bà Đào Thị Lê H4, sinh năm 1984; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 20/10/2024 đến ngày 29/10/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt

9. Họ và tên: **Lê Trường T4**, sinh ngày 10/02/2008 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1978; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 20/10/2024 đến ngày 29/10/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt

10. Họ và tên: **Thân Ngọc V1**, sinh ngày 27/01/2008 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ dân phố P, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thân Văn S, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 28/10/2024 đến ngày 01/11/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt

11. Họ và tên: **Thân Công C3**, sinh ngày 11/08/2008 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ dân phố P, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thân Văn N2, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1981; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tỉnh Bắc Giang cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2025 đến ngày 25/6/2025. Có mặt

12. Họ và tên: **Hoàng Trung K1**, sinh ngày 19/7/2008 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C2, sinh năm 1982 và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1983; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, - Nhân thân: Ngày 24/4/2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh B khởi tố về hành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo đầu thú, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang bị tạm giữ tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B trong vụ án khác. Có mặt. (Có mặt)

- Đại diện hợp pháp của các bị cáo

1. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Công M:* Ông Lê Đình H1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; (Có mặt)

2. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Đào Huy T:* Ông Đào Xuân Đ, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

3. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quang M2:* ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1977 và bà Vũ Thị Bích N, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: tổ C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (bà N có mặt, ông D xin xét xử vắng mặt)

4. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng Gia K:* Ông Vũ Văn P, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: số nhà B, ngõ C, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có mặt)

5. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Anh Đ3:* Ông Đỗ Cao B, sinh năm 1985 và bà Đào Thị Lệ H4, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố P, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở hiện tại: tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (ông B có mặt, bà H4 xin xét xử vắng mặt)

6. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trường T4:* Ông Lê Văn C1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (ông cảnh có mặt, bà H5 có mặt phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, vắng mặt khi xét xử và tuyên án)

7. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Thân Ngọc V1:* Ông Thân Văn S, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: tổ dân phố P, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (ông S vắng mặt bà X có mặt)

8. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Thân Công C3*: Ông Thân Văn N2, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: tổ dân phố P, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (ông N2 vắng mặt, bà D1 có mặt)

9. *Đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Trung K1*: Ông Hoàng Văn C2, sinh năm 1982 và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. *Người bào chữa cho bị cáo Lê Công M, Đào Huy T, Lê Trường T4, Hoàng Trung K1*: Bà Giáp Thị H6 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Địa chỉ: Số F đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang M2, Đỗ Anh Đ3*: Bà Thân Thị Thúy V2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Địa chỉ: Số F đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

3. *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng Gia K*: Ông Thân Văn L1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B.

Địa chỉ: Số F đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

4. *Người bào chữa cho bị cáo Thân Ngọc V1, Thân Công C3*: Bà Nguyễn Hải L2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Địa chỉ: Số F đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Đại diện đoàn thanh niên nơi các bị cáo cư trú, sinh sống, học tập:

1. *Đại diện Đoàn thanh niên phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo Lê Công M cư trú*: Bà Vũ Lan A1 – Bí thư Đoàn thanh niên phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt)

2. *Đại diện Đoàn thanh niên xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo Đào Huy T cư trú*: Ông Nguyễn Văn H7 - Bí thư Đoàn thanh niên xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt)

3. *Đại diện Đoàn thanh niên phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo Nguyễn Quang M2 cư trú*: Ông Nguyễn Duy Đ4 – Phó Bí thư Đoàn thanh niên phường T, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt)

4. *Đại diện Đoàn thanh niên phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo Vũ Hoàng Gia K cư trú*: Ông Lê Ngọc A2 – Bí thư Đoàn thanh niên phường T, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt)

5. *Đại diện Đoàn thanh niên phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo Đỗ Anh Đ3 cư trú*: Bà Nguyễn Thị N3 – Bí thư Đoàn thanh niên phường S, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt)

6. Đại diện Đoàn thanh niên xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo Lê Trường T4 cư trú: ông Đặng Ngọc H8 – Bí thư Đoàn thanh niên xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt)

7. Đại diện Đoàn thanh niên phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo Thân Ngọc V1, Thân Công C3 cư trú: Ông Thân Văn N4 – Bí thư Đoàn thanh niên phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt)

8. Đại diện Đoàn thanh niên phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo Hoàng Trung K1 cư trú: Hoàng Minh N5 – Bí thư Đoàn thanh niên phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hoàng Minh H9, sinh ngày 28/01/2009; địa chỉ: tổ dân phố số C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Hoàng Minh H9: Ông Hoàng Văn K2, sinh năm 1985 và bà Hoàng Thị H10, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: tổ dân phố số C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2. Nguyễn Trí Đ5, sinh ngày 12/04/2009; địa chỉ: tổ dân phố C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Trí Đ5: Bà Nguyễn Thị N6, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ dân phố C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3. Trần Gia H11, sinh ngày 28/01/2009; địa chỉ: tổ dân phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Trần Gia H11: Ông Trần Văn H12, sinh năm 1987 và bà Trần Thị T5, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: tổ dân phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

4. Trần Việt T6, sinh ngày 06/11/2008; địa chỉ: tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Trần Việt T6: Bà Đỗ Thị H13, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị N6, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

7. Nguyễn Thị Thanh H14- sinh năm 1994, trú tại tổ F, phường T, thành phố B (vắng mặt)

8. Đặng Hoàng L3, sinh năm 2007; địa chỉ: Tổ G, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

9. Thân Ngọc N7, sinh ngày 05/3/2010; địa chỉ: tổ dân phố B, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Thân Ngọc N7: Ông Thân Văn C4, sinh năm 1979 và bà Lương Thị T7, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ dân phố B, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

10. Nguyễn Văn H15, sinh năm 2006; trú tại: Tổ G, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/10/2024, tại khu vực cây xăng đường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Lê Công M- sinh ngày 27/10/2007, trú tại tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 98B3- 922.42 chở sau Đỗ Anh Đ3- sinh ngày 29/11/2006, trú tại tổ dân phố P, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Cao Xuân H2- sinh ngày 06/08/2006, trú tại tổ G, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu sơn trắng, biển kiểm soát 98B3- 672.89 chở sau Nguyễn Quang M2- sinh ngày 28/01/2007, trú tại tổ C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Đức A- sinh ngày 18/08/2006, trú tại tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu sơn trắng (không biển kiểm soát) chở Vũ Hoàng Gia K- sinh ngày 08/05/2007, trú tại số nhà B, ngõ C, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Lương Gia T1- sinh ngày 02/04/2006, trú tại tổ dân phố P, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang một mình điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát 98AA- 098.39. Tại đây, Lê Công M rủ cả nhóm đi trên đường tìm người lạ để đánh thì cả nhóm đồng ý; Cao Xuân H2 có gọi điện M3 rủ thêm bạn là Hoàng Minh H9- sinh ngày 28/01/2009, trú tại tổ dân phố số C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đi đánh nhau cùng thì Hoàng Minh H9 đồng ý, rồi cả nhóm đi đến khu vực chợ M5, phường T, thành phố B đón Hoàng Minh H9. Lúc này, Hoàng Minh H9 điều khiển xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 98AA- 098.39 của T1 chở T1 ngồi sau. Cả nhóm đi ra khu vực phía sau Trường THCS T10 thuộc phường T, thành phố B; Hoàng Minh H9 gọi điện rủ Đào Huy T- sinh ngày 27/09/2008, trú tại khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đi đến khu vực Trường THCS T10, thành phố B để đi đánh nhau và T đồng ý đi cùng. Lúc này, T bảo nhóm của T gồm 08 người đi trên 04 xe mô tô đang chở nhau gồm có: Hoàng Trung K1- sinh ngày 19/07/2008, trú tại tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu sơn tím than (không biển kiểm soát) chở sau Đào Huy T; Nguyễn Trí Đ5- sinh ngày 12/04/2009, trú tại tổ dân phố C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu sơn đỏ

đen (không biển kiểm soát) chở Trần Gia H11- sinh ngày 28/01/2009, trú tại tổ dân phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Lê Trường T4- sinh ngày 10/02/2008, trú tại thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô Honda AirBlade, màu sơn đen- vàng- đồng, biển kiểm soát 98E1- 693.88 chở Trần Việt T6- sinh ngày 06/11/2008, trú tại tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Thân N- sinh ngày 27/01/2008, trú tại tổ dân phố P, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đen (không biển kiểm soát) chở sau Thân Công C3- sinh ngày 11/08/2008, trú tại tổ dân phố P, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang đi cùng nhóm của Hoàng Minh H9 thì mọi người đều đồng ý. Khi nhóm của T đến gần khu vực Đài truyền hình B thuộc địa phận xã T, thành phố B thì gặp nhóm của Hoàng Minh H9, hai nhóm này nhập vào thành một đoàn gồm 8 xe mô tô, 16 người đi trên đường V đến khu vực bùng binh gần cầu vượt T thuộc xã T, thành phố B thì có một nhóm nam thanh niên khác không quen biết gồm khoảng 8 người, đi trên 4 chiếc xe mô tô nhập vào nhóm đi cùng. Cả nhóm đi đến khu vực bãi đất trống phía sau Trường THCS T10 được quây bằng hàng rào tre thì đỗ xe lại. Cả nhóm cùng thống nhất rút những chiếc gậy tre ở hàng rào làm hung khí mang đi tìm nhóm đánh nhau, trong nhóm có Đỗ Anh Đ3, Lương Gia T1, Vũ Hoàng Gia K, Đào Huy T, Trần Gia H11, Trần Việt T6 mỗi người rút 01 cây gậy tre có đường kính khoảng 03cm; T cầm chiếc gậy dài khoảng 03 mét, những người còn lại cầm gậy dài khoảng hơn 01 mét. Sau khi lấy gậy tre xong, cả nhóm tiếp tục điều khiển xe mô tô mang theo gậy tre đi ra đường V hướng Đài truyền hình B. Khi đi đến ngã tư đèn giao thông cạnh Đài truyền hình B thì cả nhóm điều khiển xe rẽ trái quay đầu xe đi hướng cầu vượt T. Đến cầu vượt T tất cả vòng ngược lại tiếp tục vòng quay xe lại đi trên đường V về hướng Đài truyền hình B mục đích tìm người để đánh nhau. Trên đường đi cả nhóm điều khiển xe mô tô đi với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, không sử dụng mũ bảo hiểm, bóp còi, rú ga, hò hét, đồng thời mang theo hung khí là gậy tre. Khi đến gần khu vực Đ tỉnh Bắc Giang, cả nhóm thấy phía đường ngược chiều có 02 nam thanh niên không quen biết đang đi trên chiếc xe mô tô Honda AirBlade, màu đen không rõ biển kiểm soát, người ngồi sau cầm theo 1 chiếc gậy kim loại dài khoảng 2,5m. Hoàng Trung K1 điều khiển xe chở sau Đào Huy T quay đầu xe lại rẽ phải vào đoạn đường đi vào Trường THPT G tách đoàn, những người còn lại trong nhóm đồng loạt tăng ga, cầm theo hung khí đuổi theo 02 nam thanh niên trên để đánh nhau theo hướng cầu từ Đài truyền hình tỉnh B đến cầu vượt T. Quá trình truy đuổi, cả nhóm điều khiển xe mô tô với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, không sử dụng mũ bảo hiểm, bóp còi, rú ga, hò hét, Đỗ Anh Đ3, Lương Gia T1, Vũ Hoàng Gia K, Trần Gia H11, Trần Việt T6 ngồi sau xe mô tô cầm gậy tre khua khoắng đe dọa. Khi đi đến khu vực cầu vượt T thì cả nhóm không đuổi kịp hai nam thanh niên trên nên tất cả điều khiển xe mô tô quay đầu tại bùng binh đi trên đường V đi theo hướng Đài truyền hình tỉnh B, rồi rẽ phải đi vào đường mới

theo hướng đi phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang tiếp tục tìm nhóm đánh nhau. Khi đi đến đoạn đường thuộc khu vực tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang cả nhóm điều khiển xe mô tô đi với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, không sử dụng mũ bảo hiểm, bóp còi, rú ga, hò hét và mang theo hung khí thì bị lực lượng Công an phường T đi tuần tra kiểm soát phát hiện, truy bắt. Cả nhóm tăng ga bỏ chạy với tốc độ cao vút bỏ gậy tre dọc đường. Quá trình truy bắt lực lượng Công an bắt giữ được Cao Xuân H2 và Nguyễn Quang M2. Đến khoảng 02 giờ ngày 20/10/2024, Công an phường T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2 đã có hành vi gây rối trật tự công cộng. Thu giữ gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, số khung RLHJA3917LY216061, không gắn biển kiểm soát; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax màu xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr màu trắng. Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản làm việc với tổ công tác Công an phường T xác định vị trí và quãng đường truy bắt các đối tượng trên đoạn đường mới thuộc tổ dân phố T, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang dài 1,7km.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra thu giữ hình ảnh Camera an ninh của Công an thị xã V; phối hợp với Công an phường T, thành phố B tại khu vực đường V hướng đi cầu vượt T; khu vực vòng xuyên đường V gần cầu vượt T; khu vực tổ dân phố C, phường T có hình ảnh sự việc. Tiến hành lập biên bản cho Đỗ Anh Đ3, Hoàng Minh H9, Cao Xuân H2, Lê Công M, Nguyễn Quang M2, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Nguyễn Đức A, Lương Gia T1, Vũ Hoàng Gia K, Hoàng Trung K1, Nguyễn Trí Đ5, Trần Việt T6, Trần Gia H11, Đào Huy T xem lại hình ảnh Camera trên, kết quả các đối tượng thừa nhận hình ảnh của bản thân cùng nhóm thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng tại đường V, đường mới thuộc phường T, thị xã V ngày 20/10/2024.

Cơ quan điều tra đã cho Đỗ Anh Đ3 xác định vị trí cả nhóm tập trung lấy gậy tre làm hung khí mang đi đánh nhau tại khu vực bãi đất trống phía sau Trường THCS T10, thành phố B và chụp ảnh đặc điểm những chiếc gậy tre tại hàng rào. Tiến hành lập biên bản cho Hoàng Trung K1, Đào Huy T, Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2, Lê Công M, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Vũ Hoàng Gia K, Nguyễn Đức A, Lương Gia T1 xem lại bản ảnh các bị cáo cùng xác định vị trí Đỗ Anh Đ3 xác định trong bản ảnh đúng là vị trí cả nhóm tập trung lấy hung khí đánh nhau, hình ảnh gậy tre mà Cơ quan điều tra thu thập có đặc điểm tương tự với gậy tre mà Đỗ Anh Đ3, Lương Gia T1, Vũ Hoàng Gia K, Đào Huy T, Trần Gia H11, Trần Việt T6 lấy dùng làm hung khí để đi đánh nhau. Tiến hành cho Nguyễn Quang M2, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Vũ Hoàng Gia K, Nguyễn Đức A, Lương Gia T1, Đào Huy T, Hoàng Trung K1, Hoàng Minh H9 vẽ lại đoạn đường các đối tượng có hành vi gây rối trật tự công cộng, trên cung đường V và đường mới thuộc tổ dân phố C, phường T. Kết quả các bị cáo vẽ đúng đoạn đường đã điều khiển xe, mang theo hung khí đi đánh nhau và phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo.

Trong các ngày 20/10/2024 đến ngày 25/10/2024, ngày 27/10/2024 đến 01/11/2024, 28/12/2024, 20/3/2025 và ngày 21/3/2025, Cơ quan điều tra tiến hành cho bị cáo Cao Xuân H2, Nguyễn Trí Đ5, Lê Trường T4, Trần Việt T6, Trần Gia H11, Hoàng Minh H9, Thân Ngọc V1, Trần Gia H11, Thân C, Lương Gia T1, Vũ Hoàng Gia K, Nguyễn Đức A, Lê Công M, Hoàng Trung K1 nhận dạng các đối tượng cùng tham gia gây rối trật tự công cộng ngày 20/10/2024. Kết quả các bị cáo đều nhận dạng được các đồng phạm tham gia cùng thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên. (Bút lục 192-250)

Đối với đối tượng Trần Gia H11, Trần Việt T6, Nguyễn Trí Đ5, Hoàng Minh H9 tại thời điểm thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng ngày 20/10/2024 đều chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm. Ngày 28/3/2025, Cơ quan điều tra đã có công văn đến UBND phường T, phường Đ, thành phố B nơi các đối tượng trên cư trú đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Giáo dục tại xã, phường”. (Bút lục 928-931)

Đối với nhóm thanh niên gồm khoảng 08 người, đi trên 04 chiếc xe mô tô nhập vào nhóm các bị cáo tại khu vực vòng xuyên cầu vượt T và 02 nam thanh niên cầm theo tuýp sắt bị các bị cáo truy đuổi trên đường V. Quá trình điều tra các bị cáo và người liên quan đều không xác định được nhân thân, lai lịch đặc điểm của các đối tượng trên, không xác định được đặc điểm biển số xe mô tô các đối tượng sử dụng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với hung khí vụ án là những chiếc gậy tre, quá trình điều tra các bị cáo Đỗ Anh Đ3, Lương Gia T1, Vũ Hoàng Gia K, Trần Gia H11, Trần Việt T6 đều khai nhận sau khi bị lực lượng Công an phường T truy đuổi đã vứt những chiếc gậy tre đi nhưng không nhớ cụ thể vị trí vứt nên Cơ quan điều tra không có căn cứ rà soát thu hồi. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Đào Huy T xác định vị trí vứt chiếc gậy tre thuộc khu vực cánh đồng tổ dân phố T, phường T; tiến hành lập biên bản rà soát nhưng không thu giữ được.

Về vật chứng thu giữ: Đối với 01 xe mô tô Honda Wave không có biển kiểm soát do bị cáo Hoàng Trung K1 điều khiển là xe do Đào Huy T mượn của bạn không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể; 01 xe mô tô Honda Wave màu đen không có biển kiểm soát do bị cáo Thân Ngọc V1 điều khiển là xe do T8 Công Chính mượn của bạn là Thân Ngọc N7- sinh ngày 05/3/2010, trú tại tổ dân phố B, phường T, thị xã V, anh N7 mượn xe của bạn không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể và đã trả lại cho người này; 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng không có biển kiểm soát mượn do bị cáo Nguyễn Đức A điều khiển, Đức A mượn của bạn không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể và đã trả lại cho người này. Quá trình điều tra các bị cáo T, C3, Đức A đều khai nhận khi mượn xe không nói về việc sử dụng xe mô tô gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh tạm giữ những chiếc xe mô tô trên.

Đối với 01 xe mô tô Honda Ablade biển kiểm soát 98E1- 693.88 do bị cáo Lê Trường T4 điều khiển là xe mô tô thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị H5- sinh năm 1978, trú tại thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (chị H5 là mẹ đẻ của bị cáo T4); quá trình điều tra xác định khi T4 tự ý lấy xe chị H5 không biết, không cho T4 mượn xe; ngày 20/01/2025 chị H5 đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Đối với 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 98AA- 098.39 do bị cáo Lương Gia T1 giao nộp, quá trình điều tra xác định chiếc xe này do T1 bỏ tiền ra mua làm phương tiện đi lại, đăng ký chính chủ của Lương Gia T1 nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định. (Bút lục 543)

Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xám thu giữ của Nguyễn Quang M2 là của bị cáo M2 không dùng vào việc phạm tội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu trắng thu giữ của Cao Xuân H2 là của bị cáo Cao Xuân H2 sử dụng làm phương tiện vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 98B3- 672.89 thu giữ khi bắt quả tang là của Cao Xuân H2 điều khiển khi thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Thanh H14- sinh năm 1994, trú tại tổ F, phường T, thành phố B (chị H14 là chị dâu của H2), H2 tự lấy chiếc xe này đi, chị H14 không biết, không cho H2 mượn xe nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H14.

Đối với xe mô tô Honda Wave màu đỏ biển kiểm soát 98B3- 922.47 do bị cáo Lê Công M điều khiển khi thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu hợp pháp của anh Đặng Hoàng L3- sinh năm 2007, trú tại tổ G, phường N, thành phố B cho bị cáo mượn làm phương tiện để đi lại (anh L3 là bạn của M), khi cho mượn xe anh L3 không biết việc M sử dụng để làm phương tiện phạm tội; anh L3 đã giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra phục vụ điều tra nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe này cho anh L3.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 25/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố Lê Công M, Đào Huy T, Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2, Nguyễn Đức A, Vũ Hoàng Gia K, Lương Gia T1, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Hoàng Trung K1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Đào Huy T, Hoàng Trung K1, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3 thống nhất khai: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/10/2024, khi cả nhóm gồm Đào Huy T, Hoàng Trung K1, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Trần Việt T6, Nguyễn Trí Đ5 đang ở khu vực cầu C thì Đào Huy T nhận được cuộc gọi qua ứng dụng meseger của Hoàng Minh H9, T đã mở loa ngoài và cho cả nhóm nghe. Cả nhóm đều nghe thấy Hoàng Minh H9 rủ nhóm T đi đánh nhau. Sau khi nghe Hoàng Minh H9 rủ thì cả nhóm đồng ý và cùng nhau đi gia nhập với nhóm của bị cáo Lê Công M đi tìm đối tượng đánh nhau.

HĐXX công bố lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có trong hồ sơ vụ án.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố Lê Công M, Đào Huy T, Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2, Nguyễn Đức A, Vũ Hoàng Gia K, Lương Gia T1, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Hoàng Trung K1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Công M** từ 01 năm 08 tháng đến 01 năm 10 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi ngày bị tạm giữ từ 20/10/2024 đến 29/10/2024.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Đào Huy T** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 10 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã X và Công an xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lương Gia T1** từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/12/2024.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Trường T4** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T và Công an xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức A** từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 08 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường T, và Công an phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Anh Đ3** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường S và Công an phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Hoàng Gia K** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Cao Xuân H2** từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 04 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 năm 04 tháng đến 04 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Thân Ngọc V1** từ 01 năm 05 tháng đến 01 năm 07 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 02 năm 10 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quang M2** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng đến 02 năm 10 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 124, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **T8 Công Chính** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng đến 02 năm 10 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Trung K1** từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

** Về trách nhiệm dân sự:* Không đặt ra xem xét.

** Về vật chứng:*

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô Honda Vision, biển kiểm soát 98AA-098.39 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu trắng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H5 (là mẹ đẻ của bị cáo Lê Trường T4) 01 xe mô tô Honda Ablade, biển kiểm soát 98E1- 693.88.

Trả lại bị cáo Nguyễn Quang M2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xám nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Bà Giáp Thị H6 phát biểu quan điểm bào chữa cho các bị cáo Đào Huy T, Lê Công M, Lê Trường T4, Hoàng Trung K1: nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa về tội danh, việc đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật của các bị cáo còn hạn chế. Các bị cáo chưa nhận thức được hậu quả hành vi phạm tội của mình. Trong vụ án có bị cáo Đào Huy T và bị cáo Hoàng Trung K1 đã bỏ về trước, không thực hiện hành vi truy đuổi các đối tượng lạ mặt đến cùng để đánh nhau. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy đề nghị HĐXX xem xét xử phạt đối với bị cáo Lê Công M4 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng tù; xử phạt bị cáo Đào Huy T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Lê Trường T4 từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Hoàng Trung K1 từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 05 tháng tù

Bà Thân Thị Thúy V2 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Đỗ Anh Đ3 và bị cáo Nguyễn Quang M2: nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa về tội danh, việc đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật của các bị cáo còn hạn chế, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy đề nghị HĐXX xem xét xử phạt đối với bị cáo Đỗ Anh Đ3 từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang M2 từ 01 năm 01 tháng đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Ông Thân Văn L1 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng Gia K3: nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa về tội danh, việc đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo K3 thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, hiện bị cáo còn đang đi học. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên theo hướng có lợi cho bị cáo, xử phạt bị cáo Vũ Hoàng Gia K từ 14 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng thời gian phạt tù từ 14 đến 15 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Hải L2 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Thân Ngọc V1, Thân Công C3: nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa về tội danh, việc đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18

tuổi. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên theo hướng có lợi cho bị cáo, xử phạt bị cáo Thân Ngọc V1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng thời gian phạt tù từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo T8 Công Chính từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng thời gian phạt tù từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Các bị cáo không ai có tranh luận gì

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo: Lê Công M, Đào Huy T, Hoàng Trung K1, Lương Giang T9, Đỗ Anh Đ3, Nguyễn Quang M2, Vũ Hoàng Gia K, Thân C, Thân Ngọc V1 đều nhất trí với quan điểm bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý, không ai có bổ sung gì.

Đại diện viện kiểm sát tranh luận đối đáp với quan điểm bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý: Sau khi đánh giá toàn bộ các tình tiết vụ án, vai trò, tính chất, mức độ hành vi và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Viện kiểm sát xét thấy mức hình phạt đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với các bị cáo. Đối với quan điểm của trợ giúp viên pháp lý Thân Văn L1, Nguyễn Hải L2 tại phiên tòa về việc đề xuất thời gian thử thách bằng thời gian phạt tù là không phù hợp, không đúng với quy định về án treo được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Do vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm luận tội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Lê Công M: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa.

- Bị cáo Đào Huy T: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa.

- Bị cáo Cao Xuân H2: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa.

- Bị cáo Nguyễn Quang M2: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Đức A: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo Vũ Hoàng Gia K: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo Lương Gia T1: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo Đỗ Anh Đ3: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo Lê Trường T4: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo Thân Ngọc V1: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo Thân Công C3: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo Hoàng Trung K1: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đại diện Đoàn thanh niên cộng sản H16 nơi các bị cáo chưa đủ 18 tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội cư trú sinh sống vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ với Cơ quan cảnh sát điều tra và được lưu giữ trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo chưa đủ 18 tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội đều có mặt đầy đủ. Do vậy HĐXX xác định việc vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện Đoàn thanh niên cộng sản H16 nơi các bị cáo chưa đủ 18 tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội cư trú sinh sống vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử khách quan vụ án

nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 01 giờ 15 phút đến khoảng 02 giờ ngày 20/10/2024, tại khu vực bãi đất trống phía sau Trường THCS T10, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Lê Công M- sinh ngày 27/10/2007 Đỗ Anh Đ3- sinh ngày 29/11/2006; Cao Xuân H2- sinh ngày 06/8/2006; Nguyễn Quang M2- sinh ngày 28/01/2007; Nguyễn Đức A- sinh ngày 18/08/2006; Vũ Hoàng Gia K- sinh ngày 08/05/2007; Hoàng Minh H9- sinh ngày 28/01/2009; Lương Gia T1- sinh ngày 02/04/2006; Hoàng Trung K1- sinh ngày 19/07/2008; Đào Huy T- sinh ngày 27/8/2008; Nguyễn Trí Đ5- sinh ngày 12/04/2009; Trần Gia H11- sinh ngày 28/01/2009 Lê Trường T4- sinh ngày 10/02/2008 Trần Việt T6- sinh ngày 06/11/2008 Thân N- sinh ngày 27/01/2008 Thân Công Chính- sinh ngày 11/08/2008 cùng rủ nhau điều khiển xe mô tô, mang theo gậy tre để làm hung khí tìm nhóm khác để đánh nhau. Lúc này, Anh Đ3, Gia T1, K, Huy T, Gia H11, T6 mỗi người lấy 01 cây gậy tre đều có đường kính khoảng 03cm, chiều dài khoảng từ 1 mét đến 3 mét ở hàng rào tại bãi đất trống mang theo. Sau khi lấy gậy tre làm hung khí đánh nhau, Công M điều khiển xe mô tô chở sau Anh Đ3; Xuân H2 điều khiển xe mô tô chở sau Quang M2; Đức A điều khiển xe mô tô chở sau K; Minh H9 điều khiển xe mô tô chở sau G; K1 điều khiển xe mô tô chở sau T; Đ3 điều khiển xe mô tô chở sau H11; Trường T4 điều khiển xe mô tô chở sau T6; V1 điều khiển xe mô tô chở sau C3. Cả nhóm điều khiển xe mô tô mang theo gậy tre đi ra đường V hướng Đài truyền hình B đến ngã tư đèn giao thông cạnh Đài truyền hình B thì rẽ trái quay đầu, đi hướng cầu vượt T rồi vòng ngược lại đi trên đường V; trên đường đi cả nhóm điều khiển xe đi với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, bóp còi, rú ga, hò hét, đồng thời mang theo hung khí là gậy tre khua

khoảng đe dọa người đi đường. Khi đến gần khu vực Đ tỉnh Bắc Giang, cả nhóm thấy có 02 nam thanh niên đi xe mô tô Honda AirBlade (không biển kiểm soát) cầm theo gậy sắt đang di chuyển ngược chiều. Hoàng Trung K1 điều khiển xe chở sau Đào Huy T quay đầu xe lại tách đoàn đi về nhà, những người còn lại trong nhóm tiếp tục điều khiển xe mô tô tăng ga, cầm theo gậy tre đuổi theo 02 nam thanh niên trên để đánh nhau khi đuổi đến bùng binh cầu vượt T thì không đuổi kịp. Quá trình truy đuổi, cả nhóm điều khiển xe mô tô với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, bóp còi, rú ga, hò hét, trong đó Gia T1, K, Anh Đ3, H11, T6 ngồi sau xe mô tô cầm gậy tre khua khoắng, đe dọa người đi đường, rồi cả nhóm tiếp tục điều khiển xe mô tô quay đầu tại bùng binh chân cầu vượt T rồi đi trên đường V theo hướng Đài truyền hình tỉnh B, rồi rẽ phải đi vào đường mới theo hướng đi phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang tiếp tục tìm người đánh nhau. Khi đi đến đoạn đường mới thuộc khu vực tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang cả nhóm điều khiển xe mô tô đi với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, bóp còi, rú ga, hò hét và mang theo hung khí thì bị lực lượng Công an phường T đang tuần tra kiểm soát, phát hiện nhóm đối tượng nên đuổi theo truy bắt. Cả nhóm tăng ga bỏ chạy vút gậy tre dọc đường đi; Công an phường T truy đuổi các bị cáo đến địa phận tổ dân phố T, phường T, thị xã V thì bắt giữ được Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Các bị cáo sử dụng gậy tre là hung khí nguy hiểm khi thực hiện hành vi phạm tội nên Cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 25/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Lê Công M, Đào Huy T, Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2, Nguyễn Đức A, Vũ Hoàng Gia K, Lương Gia T1, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Hoàng Trung K1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo, HĐXX thấy:

[4.1] Về tiền án, tiền sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[4.2] Về nhân thân: Lê Công M, Đào Huy T, Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2, Nguyễn Đức A, Vũ Hoàng Gia K, Lương Gia T1, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3 là người có nhân thân tốt.

Bị cáo Hoàng Trung K1 là người có nhân thân xấu: Ngày 24/4/2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh B khởi tố về hành tội “Gây rối trật tự công cộng”.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đào Huy T, Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2, Nguyễn Đức A, Vũ Hoàng Gia K, Lương Gia T1,

Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Hoàng Trung K1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

Bị cáo Lê Công M là người khởi xướng và xúi giục các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Công M trong quá trình học tập có thành tích tốt: năm 2016, 2017, 2018 được Trường tiểu học N8, thành phố B tặng Giấy khen; năm 2019, 2020, 2021 đã được Trường THCS N8, thành phố B tặng Giấy khen; năm 2021 đã đạt giải ba – đội nam môn Bóng chuyền tại Hội khỏe P thành phố B, được Trường phòng giáo dục và đào tạo thành phố B khen thưởng; bị cáo có ông nội tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đào Huy T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, trong quá trình học tập năm 2016, 2017 được Trường tiểu học thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen; năm 2020, 2023 được trường THCS thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Cao Xuân H2 có bố đẻ là ông Cao Xuân Đ1 tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng huân chiến kháng chiến hạng 3, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quang M2 trong quá trình sinh sống, rèn luyện tại địa phương đã tích cực tham gia hoạt động hiến máu nhân đạo, tham gia đóng góp ủng hộ phong trào vì người nghèo của địa phương được UBND phường T ghi nhận, bị cáo có ông nội tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được UBND tỉnh B tặng Bằng khen, được Nhà nước tặng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng_ nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức A sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình học tập, rèn luyện bị cáo có thành tích tốt, năm 2013, 2014, 2015, 2016 được Trường tiểu học T11, thành phố B tặng thưởng Giấy khen; năm 2019 được huy chương bạc môn

Taekwondo được Cung văn hóa thanh thiếu nhi tỉnh B khen tặng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vũ Hoàng Gia K4 sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình sinh sống, học tập, rèn luyện tại địa phương bị cáo tích cực tham gia ủng hộ và đồng hành chăm sóc các nạn nhân chất độc màu da cam Việt Nam và đã được Trung tâm nhân đạo Phú Quý tỉnh B cấp Bằng vinh danh nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đỗ Anh Đ3 có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3, quá trình sinh sống, học tập, rèn luyện tại địa phương bị cáo đã tích cực đóng góp trong công tác khuyến học của xã S và đã được UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang tặng thưởng Giấy khen nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Trường T4 quá trình học tập, rèn luyện bị cáo có thành tích tốt, năm 2016 được Trường tiểu học C5, huyện V, tỉnh Hưng Yên tặng thưởng Giấy khen; bị cáo có bố đẻ là quân nhân được Nhà nước tặng thưởng huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất và Huy chương quân kỳ quyết thắng, ông ngoại tham gia dân công hỏa tuyến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Thân Ngọc V1 quá trình học tập, rèn luyện bị cáo có thành tích tốt, năm 2019 được Trường tiểu học T12, huyện V, tỉnh Bắc Giang tặng Giấy khen; năm 2024 được Ban chấp hành đoàn thanh niên phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang tặng Giấy khen nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Thân Công C3, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình học tập, rèn luyện bị cáo có thành tích tốt, năm 2015, 2018, 2019 được Trường tiểu học T12, huyện V và Hội đồng Thân tộc huyện V, tỉnh Bắc Giang tặng Giấy khen nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Trung K1 sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.5] Xét tính chất hành vi và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, bột phát, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ từ trước. Đánh giá vai trò của các bị cáo HĐXX thấy:

Bị cáo Lê Công M là người khởi xướng, rủ rê, xúi giục các bị cáo khác thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô, lạng lách, đánh võng, hò hét trên đường và mang theo gậy tre để làm hung khí tìm nhóm khác để đánh nhau. Bị cáo là người trực tiếp lái xe chở bị cáo Đỗ Anh Đ3 ngồi sau xe mang theo hung khí gậy tre, điều khiển xe đi với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, bóp còi, rú ga, hò hét, và truy đuổi 02 thanh niên lạ mặt để nhằm mục đích đánh nhau. Quá trình thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng bị cáo tham gia từ đầu đến khi bị Công an phường T truy đuổi nên bị cáo M có vai trò đầu tiên trong vụ án.

Bị cáo Lê Trường T4 là người lái xe chở Trần Việt T6 cầm theo hung khí gậy tre, bị cáo Nguyễn Đức A là người lái xe chở bị cáo Vũ Hoàng Gia K cầm theo hung khí gậy tre điều khiển xe với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, bóp còi, rú ga, hò hét; bị cáo Lương Gia T1, Đỗ Anh Đ3, Vũ Hoàng Gia K đều là người ngồi sau xe các bị cáo, đối tượng khác và cầm theo hung khí gậy tre hò hét, khua khoắng, đe dọa người đi đường. Tất cả các bị cáo này đều tham gia vào việc rượt đuổi 02 đối tượng thanh niên lạ mặt để đánh nhau. Do vậy các bị cáo này có vai trò thứ 2 trong vụ án.

Bị cáo Cao Xuân H2, Thân Ngọc V1 là người lái xe chở sau các bị cáo khác không mang theo hung khí gậy tre nhưng là người trực tiếp điều khiển xe với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, bóp còi, rú ga, hò hét, tham gia vào việc rượt đuổi 02 đối tượng thanh niên lạ mặt để đánh nhau. Bị cáo Đào Huy T là người được Hoàng Minh H9 gọi rủ đi đánh nhau, bị cáo là người giúp đưa thông tin cho 7 bị cáo, đối tượng khác cùng tham gia thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng; khi được nhóm của Lê Công M rủ đi tìm đối tượng để đánh nhau, T là người cầm hung khí gậy tre ngồi sau xe bị cáo Hoàng Trung K1 hò hét, khua khoắng trên đường giao thông nhưng T và Hoàng Trung K1 đã bỏ về trước. Do vậy các bị cáo Cao Xuân H2, Thân Ngọc V1, Đào Huy T có vai trò thứ 3 trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Quang M2, Thân Công C3 là người ngồi sau xe các bị cáo khác, không mang theo hung khí gậy tre, chỉ có hành vi hò hét, có tham gia vào việc rượt đuổi 02 đối tượng thanh niên lạ mặt để đánh nhau. Bị cáo Hoàng Trung K1 lái xe chở bị cáo Đào Huy T phía sau có mang theo hung khí gậy tre, có hành vi điều khiển xe với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, dàn hàng ngang, bóp còi, rú ga, hò hét nhưng đã bỏ về trước và không tham gia vào việc rượt đuổi 02 đối tượng thanh niên lạ mặt để đánh nhau. Do vậy các bị cáo này có vai trò cuối cùng trong vụ án.

[5] Về hình phạt:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến các quy định về trật tự công cộng được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ, đã gây náo động trật tự công cộng, xâm phạm đến an toàn công cộng, đến các sinh hoạt, đi lại nơi công cộng, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của những

người tham gia giao thông nơi công cộng, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên việc xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự là cần thiết và đúng qui định của pháp luật.

Bị cáo Lê Công M là người khởi xướng và có vai trò đầu tiên, tích cực nhất trong vụ án, bị cáo rủ các bị cáo khác vô cớ đi tìm người khác để đánh nhau, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”; Bị cáo Lương Gia T1 là người đủ 18 tuổi, sau khi thực hiện hành vi đã bỏ trốn khỏi địa phương, vi phạm nghĩa vụ cam đoan của người được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo Hoàng Trung K1 là người dưới 18 tuổi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi, trong quá trình được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật tương tự với hành vi trong vụ án này và đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định khởi tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” điều này thể hiện tính chất nguy hiểm trong hành vi của bị cáo và thái độ coi thường pháp luật của các bị cáo. Do vậy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục và cải tạo các bị cáo sau này trở thành người tốt hơn biết tôn trọng pháp luật và cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Hoàng Trung K1, Lê Công M thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

Các bị cáo Đào Huy T, Nguyễn Đức A, Đào Huy T, Nguyễn Quang M2, Vũ Hoàng Gia K, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3 đều là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; quá trình sinh sống, học tập, lao động tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của địa phương; các bị cáo đều có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Đào Huy T, Nguyễn Quang M2, Vũ Hoàng Gia K, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3 đều thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; bị cáo Đào Huy T, Nguyễn Quang M2, Nguyễn Đức A, Vũ Hoàng Gia K, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Công C3 hiện còn đang đi học. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 179, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024; Điều 65; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với chính sách khoan hồng của

Nhà nước được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên cần chấp nhận.

Về đề nghị của trợ giúp viên pháp lý Thân Văn L1, Nguyễn Hải L2 tại phiên tòa về việc đề xuất thời gian thử thách bằng thời gian phạt tù đối với các bị cáo Vũ Hoàng Gia K, Thân Công C3, Thân Ngọc V1 là không đúng với quy định về án treo được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Do vậy HĐXX không chấp nhận.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng Trần Gia H11, Trần Việt T6, Nguyễn Trí Đ5, Hoàng Minh H9 tại thời điểm thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng ngày 20/10/2024 đều chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm. Ngày 28/3/2025, Cơ quan điều tra đã có công văn đến UBND phường T, phường Đ, thành phố B nơi các đối tượng trên cư trú đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Giáo dục tại xã, phường” đối với các đối tượng này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Gia H11, Trần Việt T6, Nguyễn Trí Đ5, Hoàng Minh H9 trong vụ án này.

Đối với nhóm thanh niên gồm khoảng 08 người, đi trên 04 chiếc xe mô tô nhập vào nhóm các bị cáo tại khu vực vòng xuyên cầu vượt T và 02 nam thanh niên cầm theo tuýp sắt bị các bị cáo truy đuổi trên đường V. Quá trình điều tra các bị cáo và người liên quan đều không xác định được nhân thân, lai lịch đặc điểm của các đối tượng trên, không xác định được đặc điểm biển số xe mô tô các đối tượng sử dụng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

Đối với hung khí vụ án là những chiếc gậy tre, quá trình điều tra các bị cáo Đỗ Anh Đ3, Lương Gia T1, Vũ Hoàng Gia K, Trần Gia H11, Trần Việt T6 đều khai nhận sau khi bị lực lượng Công an phường T truy đuổi đã vứt những chiếc gậy tre đi nhưng không nhớ cụ thể vị trí vứt nên Cơ quan điều tra không có căn cứ rà soát thu hồi. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Đào Huy T xác định vị trí vứt chiếc gậy tre thuộc khu vực cánh đồng tổ dân phố T, phường T; tiến hành lập biên bản rà soát nhưng không thu giữ được. Phía đại diện Trường THPT G xác định đối

với những chiếc gậy tre này trường đã bỏ không còn sử dụng nên không có yêu cầu gì về số gậy tre các bị cáo đã lấy để sử dụng làm hung khí. Do vậy HĐXX không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô Honda Wave không có biển kiểm soát do bị cáo Hoàng Trung K1 điều khiển là xe do Đào Huy T mượn của bạn không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể; 01 xe mô tô Honda Wave màu đen không có biển kiểm soát do bị cáo Thân Ngọc V1 điều khiển là xe do T8 Công Chính mượn của bạn là Thân Ngọc N7- sinh ngày 05/3/2010, trú tại tổ dân phố B, phường T, thị xã V, anh N7 mượn xe của bạn không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể và đã trả lại cho người này; 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng không có biển kiểm soát mượn do bị cáo Nguyễn Đức A điều khiển, Đức A mượn của bạn không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể và đã trả lại cho người này. Quá trình điều tra các bị cáo T, C3, Đức A đều khai nhận khi mượn xe không nói về việc sử dụng xe mô tô gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh tạm giữ những chiếc xe mô tô trên nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 98B3- 672.89 thu giữ khi bắt quả tang là của Cao Xuân H2 điều khiển khi thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Thanh H14- sinh năm 1994, trú tại tổ F, phường T, thành phố B (chị H14 là chị dâu của H2), H2 tự lấy chiếc xe này đi, chị H14 không biết, không cho H2 mượn xe nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H14 là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên HĐXX không xem xét.

Đối với xe mô tô Honda Wave màu đỏ biển kiểm soát 98B3- 922.47 do bị cáo Lê Công M điều khiển khi thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu hợp pháp của anh Đặng Hoàng L3- sinh năm 2007, trú tại tổ G, phường N, thành phố B cho bị cáo mượn làm phương tiện để đi lại (anh L3 là bạn của M), khi cho mượn xe anh L3 không biết việc M sử dụng để làm phương tiện phạm tội; anh L3 đã giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra phục vụ điều tra nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe này cho anh L3 là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 xe mô tô Honda Ablade biển kiểm soát 98E1- 693.88 do bị cáo Lê Trường T4 điều khiển. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị H5- sinh năm 1978, trú tại thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (chị H5 là mẹ đẻ của bị cáo T4), T4 đã tự ý lấy xe đi thực hiện hành vi phạm tội, chị H5 không biết và không cho bị cáo T4 mượn xe. Do vậy cần trả lại cho chị Nguyễn Thị H5.

- Đối với 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 98AA- 098.39 do bị cáo Lương Gia T1 giao nộp, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe này là tài sản hợp pháp của bị cáo T1, bị cáo đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xám thu giữ của Nguyễn Quang M2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo M2, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu trắng thu giữ của Cao Xuân H2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo H2, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện liên hệ với các bị cáo đi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016

Các bị cáo Lê Công M, Đào Huy T, Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2, Nguyễn Đức A, Vũ Hoàng Gia K, Lương Gia T1, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Hoàng Trung K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền bị cáo án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Lê Công M** 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành

án nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giữ từ ngày 20/10/2024 đến ngày 29/10/2024.

1.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lương Gia T1** 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 30/12/2024.

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Hoàng Trung K1** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức A** 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 xử phạt bị cáo **Cao Xuân H2** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Vũ Hoàng Gia K** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Đỗ Anh Đ3** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối

trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường S và Công an phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Lê Trường T4** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã T và Công an xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Đào Huy T** 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã X và Công an xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Thân Ngọc V1** 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang M2** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

1.12. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo **Thân Công C3 01** (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T và Công an phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 98AA- 098.39;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu trắng;

- Trả lại:

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xám cho bị cáo Nguyễn Quang M2. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) xe mô tô Honda Ablade biển kiểm soát 98E1- 693.88 cho chị Nguyễn Thị H5- sinh năm 1978; trú tại thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Lê Công M, Đào Huy T, Cao Xuân H2, Nguyễn Quang M2, Nguyễn Đức A, Vũ Hoàng Gia K, Lương Gia T1, Đỗ Anh Đ3, Lê Trường T4, Thân Ngọc V1, Thân Công C3, Hoàng Trung K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.